

Tiểu luận về Đạo Đức Kinh

Daniel P. Reid

Hỗn độn mà thành
Trước trời đất sinh
Lặng lẽ trống rỗng
Một mình không đổi
Đi mà không mỏi
Làm mẹ thiên hạ
Không biết tên gọi
Nên gọi là đạo.

Những lời lẽ khó hiểu trên đây trích ra từ bài thơ dài 5000 chữ nói về Đạo, thường gọi là Đạo Đức Kinh, được viết ra cách đây gần 2.500 năm và theo truyền thuyết, tác giả của nó là Lão Tử (ông thầy già).

Những trực giác bén nhạy chứa trong những câu thơ súc tích của cuốn kinh huyền hoặc này tạo thành một nguồn minh triết sống động, mang lại niềm an ủi, sự khuyên giải và giác ngộ cho hàng triệu người trên khắp thế giới. Không có cuốn sách nào trên hành tinh này được dịch rộng rãi và liên tục như Đạo Đức Kinh của Lão Tử; cũng không cuốn sách nào ngoại trừ Kinh Thánh, được dịch sang tiếng Anh một cách thường xuyên như nó. Năm 1955, có 126 bản dịch khác nhau được in trên khắp thế giới: 90 bản thuộc các thứ tiếng Tây phương, còn lại là tiếng Anh.

Câu hỏi về thời điểm ra đời chính xác và tác giả thực sự của Đạo Đức Kinh vẫn còn tồn nghi. Tuy nhiên, dựa trên sự đậm đặc của ngôn ngữ và cấu trúc vần luật, người ta đã có thể nói chắc rằng bản kinh đã được viết ra trong khoảng thời gian giữa thế kỷ thứ ba và thứ năm trước Công nguyên, và đó là tác phẩm của một tác giả duy nhất tên là Lão Tử hoặc Lão Đàm, người giữ kho lưu trữ của triều đình thời đó. Phẫn uất vì những hỗn loạn chính trị và sự tham tàn nự trị khắp xã hội lúc bấy giờ, Lão Tử về hưu khi còn ở tuổi trung niên; ông cỡi trên lưng trâu và đi về phía những dãy núi phía Tây. Khi đi đến ngọn đèo cuối cùng – biên giới của vương quốc, người lính “hải quan” nhận ra nhà hiền triết nổi tiếng, liền nài nỉ ông lưu lại một ít văn bản học thuyết của ông cho hậu thế. Lưỡng lự một hồi, Lão Tử tạm quên cuộc viễn hành: ông ngồi xuống, lệ làng sáng tác Đạo Đức Kinh trong 5.000 chữ, với lời từ chối giảng đạo thể hiện trong hai dòng đầu tiên:

Đạo khả đạo phi thường đạo

Danh khả danh phi thường danh.

Rồi không thốt ra một lời nào, ông leo lên mình trâu, đi về hướng núi. Từ đó không nghe thấy nói gì đến ông nữa.

Đạo nghĩa là “con đường”, Đức nghĩa là “năng lực” và Kinh nghĩa là “sách cổ”. Vì thế cái tựa có thể chuyển dịch một cách đầy đủ là “cuốn cổ thư nói về Con Đường và Năng Lực của nó”.

Các học giả Tây phương thường nhìn Đạo giáo như một trong những tôn giáo lớn của thế giới, nhưng điều này hoàn toàn thiếu chính xác. Tuy phải thừa nhận rằng, có một giáo phái được tổ chức hoàn chỉnh với người đứng đầu là một bậc đạo sĩ và đã phát triển thành những chi nhánh xa rời hần triết lý của Đạo giáo, khoảng 500 năm sau Lão Tử, nhưng giáo phái này không liên hệ gì đến Đạo nguyên thủy. Lão Tử đã từng nói “phương cách mà tổ chức được không phải là phương cách thực thụ”. Thật vậy, chính cái ý tưởng về một giáo phái có tổ chức, với những thầy tế mặc áo thụng và những tín điều thiêng liêng, hoàn toàn đi ngược lại với Đạo.

Đạo là một phương cách sống, không phải là một thượng đế hay tôn giáo. Nghĩa chiết tự của nó là “con đường”, là lối đi – trên hành trình xuyên qua đời sống, nó phù hợp với địa hình và thời gian biểu riêng của thiên nhiên. Bất cứ con đường nào ngoài Đạo mà được định nghĩa đều là giả tạo. Các phương pháp Tây phương, toan tính chinh phục hơn là hòa đồng với sức mạnh của thiên nhiên, đều không tránh khỏi dẫn đến sự phân lập tinh thần giữa con người và thiên nhiên. Đạo nhìn con người như một sinh linh bé nhỏ, dễ tổn thương trong vạn hữu, và Đạo gợi ý rằng, để tồn tại một cách tốt nhất, chúng ta cần sống hài hòa với sức mạnh to lớn của thiên nhiên đã tác tạo nên chúng ta. Đi ngược lại Đạo thì cũng giống như cố gắng bơi ngược dòng nước chảy xiết – sớm muộn gì anh cũng sẽ kiệt sức, trì trệ và bị cuốn đi xa khỏi dòng chảy tự nhiên của Đạo.

Các Đạo sĩ nhìn thấy toàn thể vũ trụ ngập tràn trong Đạo Đức (năng lực của Đạo). Năng lực vũ trụ nguyên sơ này từng được gọi là Thái Hư, Thái Cực và Thái Di. Nó bao gồm một nguyên tố của vũ trụ, vô hình vô sắc mà từ đó toàn thể vạn vật sinh ra.

Đạo sinh Nhất

Nhất sinh Nhị

Nhị sinh Tam

Tam sinh vạn vật...

Nhất là Thái Cực (nguồn sức mạnh tối cao). Khi có vụ nổ lớn Big Bang đập vỡ Thái Cực để tạo lập vũ trụ, Âm và Dương nổi lên như hai cực tiêu và cực trường nằm trong một trường điện từ khổng lồ. Từ Nhất, Nhị, Tam mà có muôn loài thực vật, động vật và các chất thể trong vũ trụ.

Các tôn giáo Tây phương đưa ra hình ảnh bản thể tối cao là Thượng đế hay Chúa Trời ngồi trên ngai vàng của Ngài ở Thiên đàng để điều hành vũ trụ. Trọng tâm của các tôn giáo Tây phương là “kiếp sau”, nên đa số tín đồ biểu lộ một tâm thức khổ não về số phận linh hồn mình sau khi chết. Do vậy, các tôn giáo Tây phương hão huyền hơn là thực tế, quan tâm đến thế giới bên kia hơn là thế giới hiện có.

Các Đạo sĩ, trái lại, không nói về bản thể tối cao nhưng nói về một trạng thái tối cao của hiện hữu – một trạng thái thăng hoa nằm sâu trong mỗi cá nhân và chỉ có thể tiếp đạt được nó thông qua những nỗ lực tự thân to lớn cùng với kỷ luật tự giác cao nhất. Trạng thái này, thường gọi là giải thoát, được sùng tín ở Đông phương cũng như những ý niệm về Thượng đế ở Tây phương và tạo thành một phần tiềm năng nằm tận đáy sâu tâm thức mỗi cá thể.

Một trong những đặc điểm của triết lý Đạo giáo đã được nhà Hán học và dịch giả nổi tiếng Arthur Waley chỉ ra là “sự thần nhiên chấp nhận cái chết”. Các Đạo sĩ coi chuyện sinh và tử như sự chuyển tiếp từ thế giới tồn tại này sang thế giới tồn tại khác, chứ không coi chúng như điểm khởi thủy và điểm chung cuộc tuyệt đối. Một lần, Trang Tử nói với các học trò của mình: “Ta biết rõ, trong khi bám lấy cuộc đời này, ta không chỉ bám lấy một giấc mơ mà còn làm chậm trễ cuộc hành trình của ta đi vào thế giới thực”. Nên mặc dù các Đạo sĩ thích sống một cuộc sống khỏe mạnh và trường thọ trong thế giới này (bởi họ muốn bắt chước theo tự nhiên), nhưng họ sẵn sàng giáp mặt với cái chết không chút sợ hãi hay luyến tiếc vì cái chết tự nó cũng là tự nhiên.

Đạo giáo quan tâm trước hết đến đời sống trên trần gian, coi sức khỏe tinh thần và sức khỏe thể chất quan trọng như nhau, đồng thời khẳng định rằng chỉ trong một thân thể tráng kiện mới có được một tinh thần lành mạnh. Đó là lý do tại sao Đạo giáo rất coi trọng vấn đề sức khỏe và sự trường thọ.

Đạo quan niệm rằng chúng ta sẽ gặt những gì chúng ta đã gieo ngay trong cuộc đời của chính mình. Do đó, Đạo cung cấp những hạt giống minh triết

mà chúng ta cần để có được sức khỏe và trường thọ trong khu vườn phì nhiêu của sự sống, do đó những ai cày xới mảnh đất của Đạo bằng sự luyện tập và tự kỷ hăng ngày chắc chắn sẽ gặt hái những mùa cây trái ngọt ngào. Đạo vạch ra một lối đi giữa thiên đường và trần thế, nhưng con người phải tự mình bước đi bằng chính năng lực của mình. Không như các tôn giáo Tây phương, chỉ cần có niềm tin là có thể được cứu rỗi linh hồn – những cánh cổng của Đạo chỉ mở ra cho những ai thực sự trau dồi Đạo. Đạo không thể ban phát cho những kẻ cầu xin, nhưng Đạo có thể được tận dụng trong sự thực hành, và ai biết cách khai thác năng lực của Đạo sẽ thấy rằng nó không bao giờ cạn kiệt. Điểm tối quan trọng trong triết lý Đạo giáo là: thực hành vượt trên tín ngưỡng, kinh nghiệm vượt trên hiểu biết. Những biện pháp nửa vời không bao giờ đủ cả: người ta phải đi trọn con đường Đạo.

Triết lý nhị nguyên của Tây phương tách rời tinh thần và vật chất thành hai thực tại thù nghịch, loại trừ nhau, đồng thời cho rằng tinh thần là thành phần cao quý hơn. Đạo giáo nhìn vật chất và tinh thần như hai phương diện, tuy khác biệt nhau rõ rệt nhưng không thể chia cắt của một thực tại, trong đó thân xác đóng vai trò gốc rễ cho sự phát triển của trí năng. Một cái cây có thể sống mà không cần ra hoa, đâm cành, nhưng nó không thể sống nếu không có gốc rễ. Con người cũng vậy. Một người mất trí có thể vẫn sống lâu; ngược lại, một người dù thông minh sáng láng đến đâu chẳng nữa nhưng nếu mất trái tim, lá phổi hoặc lá gan, anh ta sẽ không thể nào sống nổi.

Sự tiếp cận căn bản của Đạo đối với đời sống được tóm tắt trong mấy chữ “tĩnh tọa vô vi”, nghĩa là “ngồi lặng lẽ và không làm gì”. “Không làm gì” không có nghĩa là ngồi ì ra suốt ngày như cục bướu trên một thân cây, mà đúng ra chỉ làm những gì thực sự cần làm và làm trong cách thế không đi ngược lại với trật tự tự nhiên của Đạo và khuôn khổ của sức mạnh vũ trụ, nghĩa là một cách tự phát và không cần chủ âm, người đạo sĩ chỉ làm mọi sự thuần túy để mà làm chứ không vì những động cơ nào khác, và sống trong sự hài hòa với thiên nhiên chứ không tìm cách chinh phục thiên nhiên. Có lẽ quan trọng hơn cả, vô vi có nghĩa là biết khi nào dừng hơn là làm quá mức, biết lúc nào cần phải kiềm chế hoàn toàn, không làm những việc bất xứng. Như Lão Tử đã nêu rõ:

Hãy lui về ẩn dật khi việc đã thành

Đó là Đạo của Trời

“Vô vi” là một biệt ngữ để chỉ sự “trầm tư mặc tưởng” hoặc “thiền” của

người Trung Hoa. Chữ “Thiền” làm cho người Tây phương bối rối, lo ngại vì nó hàm ý muốn nói đến sự suy nghĩ trầm ngâm về một điều gì sâu xa nhưng vĩnh viễn tối tăm khó hiểu, không bao giờ được giải thích trọn vẹn. Thật ra, trong truyền thống Đạo giáo và Phật giáo, sự vô vi của Thiền đòi hỏi một nỗ lực ý thức nhằm làm trống rỗng hoàn toàn tâm trí, chứ không phải lấp đầy nó bằng những kiến thức uyên thâm. Cách thiền này đem lại sự thư giãn và hưng phấn cho thiền giả, vì nó dọn sạch khỏi tâm trí những tiếng nói huyền thuyên quấy rối tinh thần trong sinh hoạt thường ngày. Lúc ấy, sự yên tĩnh và sự sáng suốt sẽ làm nảy sinh nhiều kiến thức tự phát và trực giác về Đạo.

Đạo giáo vẫn không ngừng tồn tại như là một trong những truyền thống triết học phong phú nhất và chắc chắn là cổ xưa nhất của nhân loại. Là một nền triết học đa dạng, chiết trung, chứa đầy sự khôn ngoan và trào lộng, lịch sử của nó được trình bày một cách ý vị thông qua các nhân vật khác thường. Với sự hòa trộn độc đáo chế độ luyện tập thể chất và tinh thần, coi trọng cả lý thuyết lẫn thực hành, Đạo giáo đã bao gồm trong nó những yếu tố khác nhau như thuật luyện kim, điều tức (thở sâu) thể dục mềm dẻo, những quy tắc sinh hoạt tình dục, thảo dược, chế độ ăn kiêng, thảo liệu pháp và vân vân. Những nguyên tắc khác biệt này được thảo luận một cách chi tiết trong các kinh sách về Đạo được truyền thừa từ các bậc thầy đến các đồ đệ qua các thời đại, và tất cả đều được trình bày trong sách này.* Thật vậy, kinh sách viết về Đạo – cuốn đại kỳ thư có tên “Đạo Tàng” – thuộc vào loại kinh thư dài nhất thế giới, bao gồm 1120 tập sách được biên soạn trong 1500 năm, và nó đã cung cấp một kho báu về những kiến thức bí truyền.

Tuy nhiên, dù cho mọi sự về Đạo đã được nói lên và thực hành, tất cả vẫn chỉ cô đọng trong những câu thơ sắc sảo của Đạo Đức Kinh, tất cả đã được thu gọn lại trong 5000 từ. Đó là do mỗi dòng thơ đều có thể được lĩnh hội ngay lập tức ở nhiều mức độ khác nhau, và mỗi vấn đề trong đó đều có thể phản chiếu sự đa diện của Đạo như viên kim cương phản chiếu ánh sáng. Đạo Đức Kinh siêu vượt khỏi những biên giới nhân sinh tương đối về lịch sử và văn hóa, thời gian và không gian. Chúng ta hãy thử đi vào khu vườn cực kỳ phì nhiêu phát sinh từ những hạt giống mạnh mẽ trong từng ngôn từ của Lão Tử.

Lão Tử mô tả công dụng và chức năng của cái trống không đối với hình thể và sự phụ thuộc của tất cả mọi vật vào những cái trống không:

Ba mươi tay hoa cùng quy vào một cái bầu, nhưng chính nhờ khoảng trống không trong cái bầu mà xe mới dùng được. Nhồi đất sét để làm chén bát, nhưng chính nhờ khoảng trống không ở trong mà chén bát mới dùng được.

Đục cửa lớn và cửa sổ để làm nhà, chính nhờ cái trống không đó mà nhà mới dùng được. Vậy khi chúng ta sử dụng cái “có”, chúng ta cần nhận ra sự hữu dụng của cái “không”.

Tính ưu thắng của cái “không” đối với cái “có”, sự tĩnh tại đối với sự hoạt động, cũng như các mối hệ thuộc lẫn nhau không thể chia tách được của chúng, là ý tưởng quan trọng nhất trong nhiều hệ tư tưởng Đông phương. Tuy nhiên, đa số người Tây phương vốn đã thích ứng với những hình trạng cụ thể và sự hoạt động, họ cảm thấy khó mà nắm bắt được ý tưởng này. Nhưng cách thức mà Lão Tử trình bày nó thì ngay cả một đứa trẻ cũng có thể hiểu được, vì những tư tưởng của ông được rút ra từ những quan sát thuần túy và đơn giản, không phải từ những biện luận trừu tượng chỉ có lý bề ngoài. Sự quan sát thiên nhiên luôn luôn là phương pháp tìm kiếm, khám phá hàng đầu của Đạo giáo, và một sự quan sát như thế rõ ràng đã cho chúng ta thấy rằng bức tranh đầy đủ phải bao gồm “cái không có” lẫn “cái có” và rằng sự ích dụng của bất cứ vật gì cũng đều bắt nguồn từ sự thống nhất của những cái đối lập.

Nước là một hình ảnh ưa thích của Lão Tử, và nó luôn tồn tại như một biểu tượng tinh túy của Đạo. Cũng như cái trống không, nước lưu chuyển gần như không trông thấy được, vậy mà nó chứa nhiều sức mạnh hơn cả những yếu tố đối lập với chính nó.

*Không có gì dưới bầu trời này mềm mại hơn nước
Nhưng khi nó công phá các vật cứng rắn và dè kháng lại nó
Thì không gì có thể lướt thắng nó nổi
Rằng sự mềm mại đánh bại sự dè kháng
Và sự nhu thuận chiến thắng sự cứng rắn
Đó là điều mà ai cũng biết
Nhưng không ai áp dụng cho mình*

Đây là một dẫn chứng thú vị về sự đa nghĩa ẩn giấu trong mỗi dòng chữ của Đạo Đức Kinh. Trước nhất, đoạn văn này tiêu biểu cho một lối diễn đạt tự nhiên, đơn giản của triết lý Đạo giáo. Nó đồng nhất Đạo với sự nhu thuận, uyển chuyển và sức mạnh bất kháng của nước. Thứ hai, nó là một bài học rõ ràng về tình dục, minh họa cho ý tưởng một người đàn bà chiến thắng người đàn ông bằng cách nhượng bộ sự đam mê ào ạt của chàng; dùng sự mềm mại của mình để áp đảo và nhấn chìm sự cứng rắn của chàng. Thứ ba, các võ sĩ Trung Hoa thường lấy đoạn văn này ra để giảng giải về những tính chất ưu

việt của “nhu pháp” Thái Cực Quyền theo truyền thống Trung Hoa so với “cương pháp” Thái Cực Đạo của Nam Triều Tiên và Karate của Nhật Bản.

Lão Tử ca tụng nước còn vì một lý do khác, đó là vì nước mang lợi ích cho tất cả các sinh vật mà không nhận một đáp đền nào cả. Thật vậy, sau khi dâng tặng nguồn sống cho con người và loài vật, nước hoàn toàn bằng lòng thu mình ẩn náu ở những nơi thấp nhất, tối tăm nhất trên mặt đất. Từ trên trời, nước làm mưa rơi, và khi việc đã xong, nó chảy xuống những hốc sâu:

*Sự tối thiện thì giống như nước
Nước giúp ích vạn vật
Mà không tranh giành sự chú ý
Bằng lòng ở vào những chỗ ai cũng khinh mạn
Chính vì vậy mà nước rất gần với Đạo*

Về mặt liên tưởng, đoạn văn này cũng hàm ý nói đến đức tính ưu trội của những vật tượng trưng cho nước. Như giới nữ (hoặc giống cái) của các chủng loại; nó mang đến sự sống cho vạn vật thông qua việc sinh đẻ và dưỡng dục, nhưng chính nó lại không tranh giành sự quan tâm trong khi làm việc đó.

Liên hệ gần gũi đến hình ảnh của nước là khái niệm “mềm mại” và tất cả những hàm ý của nó:

*Người ta sinh ra thì mềm yếu
Khi chết mới trở nên cứng
Cây cỏ vạn vật mới sinh thì mềm dịu
Khi chết khô cứng
Thực vậy, cứng mạnh là con đường chết
Yếu mềm là con đường sống
Thế nên binh mạnh ắt bị tan rã
Cây cứng ắt bị đổ
Thực vậy, cứng mạnh thì ở dưới
Yếu mềm thì vươn lên trên*

Trên đây là một đoạn văn khác được các chuyên gia võ thuật nhu pháp Trung Hoa ưa thích. Nó tán dương những đức tính bất đề kháng, nương theo chiều gió. Hai dòng cuối rõ ràng âm vọng tinh thần tín ngưỡng của Thiên Chúa giáo: “Người khiêm tốn hiền lành sẽ thừa hưởng trần gian này”.

Lão Tử sống trong suốt một trường kỳ hỗn loạn của lịch sử Trung Hoa được

nhớ tới như thời Chiến Quốc. Lúc bấy giờ hàng chục lãnh chúa tiểu quốc bầy mưu tính kế tranh giành quyền lực, các vương quốc nổi lên rồi suy tàn như sóng biển, với những liên minh hình thành trong đêm tối để rồi tan rã khi bình minh tới, và chiến tranh lan tràn trên khắp lãnh thổ.

Giai đoạn sau của thời kỳ này, thời sôi động trí thức, được gọi là Kỷ nguyên Bách Gia Chur Tử. Nhiều triết gia vĩ đại xuất hiện, trong đó có Khổng Tử, người đã đi lang thang từ nước này sang nước khác với nỗ lực thuyết phục các vị vua hiểu chiến tiếp thu triết thuyết hòa dịu của ông làm quốc sách, nhưng vô ích.

Là người cùng thời với Khổng Tử, lẽ tự nhiên Lão Tử cũng có nhiều điều để nói về chính trị mặc dù ông diễn đạt những ý tưởng của ông cách riêng bằng phép ẩn dụ tài tình. Thông qua Đạo Đức Kinh, ông chế nhạo những lý tưởng trịch thượng như lòng nhân từ, sự ngoan đạo, sự trung thành; ông coi các công ước xã hội như một sự quý quýệt được áp dụng trên bình diện rộng lớn; ông nhạo báng cái khái niệm xem con người có thể bị cai trị bằng ý thức hệ. Ông chỉ ra rằng chính cái nhu cầu cai trị bằng luật pháp và đe dọa trừng phạt cho thấy xã hội đó đã bước vào giai đoạn tiêu vong. Con người ở khắp mọi nơi đều như nhau. Lão Tử cho rằng, thói thường, khi hạnh phúc và khỏe mạnh, họ đối xử với nhau bằng thiện chí và lòng trân trọng, nhưng khi rơi vào nghèo đói và bị áp bức, theo bản năng, họ trở nên hung bạo và vô kỷ luật. Vì lẽ hầu hết các nhà cai trị luôn để cho thần dân của họ ít hay nhiều ở trong tình trạng thường xuyên nghèo đói và bức bách, nên họ thấy cần thiết phải áp đặt những câu thúc trái tự nhiên gồm luật lệ và hình phạt để họ có thể trị vì lâu dài. Thậm chí lỗ bịch hơn nữa, để biện minh cho vai trò đặc quyền của mình, họ tự cho mình là những con người ưu việt về mặt đạo đức.

Nhà hiền triết đích thực cai trị dân chúng “bằng cách dưỡng dục họ nhưng không tuyên bố mình có quyền lực đối với họ”, và bằng cách loại trừ những nguyên nhân tranh chấp hơn là trừng phạt khi xảy ra hậu quả:

*Nếu chúng ta đừng trọng kẻ hiền tài
Sẽ không có sự ghen tranh trong dân chúng
Nếu chúng ta thôi đánh giá cao những vật khó tìm
Sẽ không có trộm cắp nữa...*

Cho nên người lãnh đạo sáng suốt cai trị dân mình bằng cách “làm cho tâm trí họ trống không và làm cho bụng họ no đầy”. Hầu hết các học giả và dịch giả đã diễn đạt đúng nhưng chưa đủ đoạn văn này khi cho rằng cách tốt nhất

để trị dân là để cho họ no đủ và để mặc họ dốt nát. Thật ra, làm cho tâm trí trống không (hư kỳ tâm) là một cụm từ cổ Trung Hoa, liên hệ tới một kỹ thuật truyền thống được sử dụng trong lối suy tưởng Lão học hòng đạt được mục đích là hoàn toàn tẩy rửa sạch ra khỏi đầu óc những ý nghĩ lan man, để cho sự nhận thức trực giác về Đạo có thể hiện lên một cách tự phát. Một tâm trí rối bời sẽ làm che khuất Đạo, trong khi đó một “hư tâm” lại phản chiếu Đạo như một tấm gương. Do vậy, bậc cai trị khôn ngoan luôn cố gắng giữ cho tâm trí của thần dân mình càng trống vắng mọi ý tưởng và ham muốn nhân tạo càng tốt, vì chúng chỉ làm cho con người bối rối, chúng tạo ra những xung đột và làm phân tán sự chú tâm về Đạo.

Trị dân bằng cách “làm no bụng họ” không chỉ là xóa bỏ nguồn gốc mọi phân tranh, nó còn nhấn mạnh đến tính ưu việt của loại “thức ăn dinh dưỡng”, chế độ ăn kiêng vượt trên giáo điều. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, “làm no bụng họ” cũng liên hệ đến chế độ thở theo Đạo giáo, tức là hơi thở được đẩy sâu xuống bụng bằng sức ép của cơ hoành, một kỹ thuật đòi hỏi người thực hành phải “hư kỳ tâm” để tập trung vào việc “làm đầy bụng” bằng hơi thở.

Sự đa nghĩa và sự linh hoạt trong ngôn ngữ như được đơn cử, có rất nhiều trong Đạo Đức Kinh. Một trong những lời bình luận về chính trị sắc bén và quyền rũ nhất trong sách có liên quan đến mối bang giao giữa các đại vương quốc mà ngày nay chúng ta hay gọi là “siêu cường”.

Một đại vương quốc phải giống như miếng đất thấp để cho mọi dòng nước chảy tới...

Phải là một điểm hội tụ giao lưu của muôn vật trong trời đất

Phải đóng vai trò của giống cái để xử sự với mọi việc trong đời sống

Bằng sự tĩnh lặng, giống cái chinh phục giống đực

Bằng sự tĩnh lặng, giống cái xuống ở dưới thấp...

Đây là hòn đá tảng trong chính sách ngoại giao của Trung Hoa hàng ngàn năm trước đây. Từng bị rợ Tác Ta, Mông Cổ và Mãn Châu chiếm đóng, nước Trung Hoa nhẹ nhàng nằm xuống và chịu “hạ mình” quyền rũ những kẻ xâm lăng man rợ bằng sự hấp dẫn không cưỡng được của thực phẩm và quần áo, hội họa và thi ca, âm nhạc và vũ đạo, và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là phụ nữ Trung Hoa. Thay vì lấy lửa chống lửa, Trung Quốc đã lấy nước chống lửa và chiến thắng, biến những kẻ chinh phục sắt đá thành một đồng cát. Về sau, trong khi Trung Quốc còn tồn tại và phát triển thì

những kẻ xâm lược nó lần lượt biến mất khỏi sân khấu lịch sử. Đó là những lợi ích khi đóng vai giống cái trong quan hệ đối ngoại.

Mặc dù Đạo Đức Kinh được viết trước Thiên Chúa giáng sinh nhiều thế kỷ và trong một hoàn cảnh văn hóa hoàn toàn khác xa với phương Tây, nó vẫn mang những điểm tương đồng đáng chú ý khi đối chiếu với Tân Ước, và có lẽ điều này đã giải thích tại sao nó hấp dẫn và phổ biến không ngừng ở phương Tây. Ví dụ, trong Tân Ước, thánh Lu-ca khuyên: “Hãy đối xử tốt với kẻ thù ghét ngươi”, thì ở thiên 63 Đạo Đức Kinh, Đạo đề nghị: “Hãy lấy đức hạnh mà báo oán”. Thánh Mát-thêu nói: “Kẻ nào cầm gươm sẽ phải chết vì gươm”. Tư tưởng này hoàn toàn nhất trí với những dòng nằm ở thiên 42 của sách Lão Tử: “Kẻ hung bạo sẽ chết cái chết hung bạo”.

Xung đột chỉ có thể xảy ra khi người ta dựng nên những ranh giới cứng nhắc, vẽ đoán giữa những cái đối lập và rồi khẳng khái bảo vệ nó: ranh giới giữa đàn ông và đàn bà; giữa quốc gia này với quốc gia kia; giữa thiện và ác... Bằng cách xóa bỏ những ranh giới để cho những lực lượng đối lập gặp gỡ, tan hòa vào nhau và chấp nhận nhau, để cho hai bên trở thành một và lập nên một cân bằng tự nhiên, từ đó nguồn gốc của mọi xung đột tự động sẽ bị triệt tiêu. Như chúng ta sẽ thấy trong khi khám phá những phương diện khác nhau của Đạo giáo, sự cân bằng và hòa điệu giữa những cái đối lập làm thành chiếc chìa khóa triết học mở ra tất cả những huyền nhiệm.

Mai Sơn dịch

Nguồn: Tiểu luận này là chương dẫn nhập của cuốn *The Tao of Health, Sex and Longevity: A Modern Practical Guide to the Ancient Way* (Alaska: Fireside Books, 1989).

Ghi chú của dịch giả:

Những đoạn thơ trong bản dịch này chúng tôi dựa theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Duy Cần.